

NGOẠI GIAO CẤP CAO VỚI QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2010-2025^(*)

TRẦN NAM TRUNG*

1. Mở đầu

Trong hơn một thập kỷ qua, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, trở thành một trong những trụ cột quan trọng trong quan hệ song phương. Trung Quốc hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, trong khi Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong ASEAN. Quy mô thương mại hai chiều tăng mạnh từ vài chục tỷ USD năm 2010 lên hơn 200 tỷ USD vào năm 2024, đã phản ánh mức độ gắn kết sâu rộng về kinh tế và sản xuất giữa hai quốc gia.

Sự tăng trưởng này không chỉ xuất phát từ nhu cầu thị trường, mà còn là kết quả của việc duy trì cơ chế trao đổi cấp cao thường xuyên, tạo nền tảng chính trị ổn định và môi trường thuận lợi cho hợp tác kinh tế. Hai nước đã từng bước hình thành chuỗi cung ứng bổ sung lẫn nhau, trong đó Việt Nam nhập khẩu máy móc, linh kiện, nguyên liệu từ Trung Quốc để phục vụ sản xuất, sau đó xuất khẩu sang Trung Quốc và các thị trường khác những sản phẩm công nghiệp chế biến có giá trị cao hơn.

Mặc dù còn tồn tại những khác biệt về một số vấn đề khu vực, đặc biệt là Biển Đông, nhưng các kênh đối thoại đã giúp duy trì sự ổn định và định hướng hợp tác thực chất, bền vững. Bối cảnh đó tạo điều

kiện để Việt Nam - Trung Quốc tiếp tục củng cố quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, mở rộng lĩnh vực hợp tác, nâng cao chất lượng thương mại song phương, đồng thời hướng tới mục tiêu cân bằng lợi ích và phát triển lâu dài.

2. Vấn đề thương mại trong ngoại giao cấp cao Việt Nam - Trung Quốc

Trong quan hệ ngoại giao cấp cao từ năm 2010 đến nay, lãnh đạo hai nước Việt Nam và Trung Quốc thường xuyên có các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao. Dưới đây là một số chuyến thăm tiêu biểu, có ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ thương mại hai nước.

Thứ nhất, các chuyến thăm, tiếp xúc cấp cao từ năm 2010 đến năm 2013 giúp hai nước *định hình khung hợp tác và thúc đẩy đà tăng trưởng*, được đánh dấu bởi sự khởi đầu đầy đủ của Hiệp định “Khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc” (ACFTA: ASEAN-China Free Trade Area) và sự củng cố mối quan hệ “Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện” giữa Việt Nam - Trung Quốc. Những cuộc tiếp xúc cấp cao tập trung vào việc cụ thể hóa các cam kết, tạo điều kiện cho thương mại và đầu tư.

Trong chuyến thăm chính thức của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tới Trung Quốc (tháng 10-2011), hai bên đã ký kết 6 văn kiện hợp tác, trong đó có “Thỏa thuận về

* TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc". Việc đạt được thỏa thuận về nguyên tắc đã gửi một điệp mạnh mẽ về ý chí duy trì ổn định, tạo ra một môi trường thuận lợi hơn cho hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư. Những kết quả đạt được giữa lãnh đạo cấp cao hai nước giúp cho quan hệ chính trị được ổn định, là yếu tố quan trọng để doanh nghiệp hai nước an tâm đầu tư và giao thương. Kết quả đạt được giữa lãnh đạo cấp cao hai nước Việt Nam - Trung Quốc tại các chuyến thăm này góp phần củng cố đà tăng trưởng thương mại song phương trong những năm tiếp theo, đưa kim ngạch xuất - nhập khẩu từ 36,47 tỷ USD (2011) (1) lên 50,06 tỷ USD (2013) (2).

Chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Khắc Cường (tháng 10-2013) có ý nghĩa quan trọng với 9 văn kiện được ký kết. Đáng chú ý là "Hiệp định khung về việc thành lập khu hợp tác kinh tế qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc" và "Bản ghi nhớ về phát triển hạ tầng kết nối biên giới". Cả hai văn kiện này đều có tác động trực tiếp và cụ thể đến thương mại. Hiệp định khung về khu hợp tác kinh tế qua biên giới cung cấp cơ sở pháp lý để hình thành các khu kinh tế mở tại biên giới, tạo cơ chế ưu đãi về thuế quan, thủ tục hải quan, và thu hút đầu tư. Điều này nhằm thúc đẩy thương mại chính ngạch và giảm bớt các rào cản cho hàng hóa, đặc biệt là nông sản, đi qua biên giới. Ngoài ra, những thỏa thuận đạt được còn giúp cải thiện hạ tầng giao thông. Việc phát triển hạ tầng kết nối biên giới, nhất là các tuyến đường bộ và đường sắt, là yếu tố then chốt để giảm chi phí logistics, tăng tốc độ vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là từ các vùng sâu, vùng xa của Việt Nam tới

thị trường Trung Quốc và ngược lại. Như vậy, những nhận thức chung giữa lãnh đạo cấp cao hai nước là định hướng hợp tác chiến lược quan trọng. Trong tuyên bố chung, hai bên cam kết tăng cường hợp tác thực chất trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, kết nối hạ tầng, tài chính, tiền tệ, và nông nghiệp, đặt ra mục tiêu đạt kim ngạch thương mại 60 tỷ USD vào năm 2015. Đây chính là cơ sở, củng cố lòng tin vững chắc, giúp các doanh nghiệp an tâm trong hoạt động giao thương song phương, là định hướng rõ ràng cho sự phát triển thương mại.

Thứ hai, các chuyến thăm giữa lãnh đạo cấp cao hai nước trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 giúp "phá băng" và tái khẳng định hợp tác. Giai đoạn này được định hình bởi sự kiện Giàn khoan Hải Dương 981 (ngày 1-5-2014) (3), gây ra căng thẳng trong quan hệ song phương và ảnh hưởng đến thương mại. Các chuyến thăm cấp cao trong giai đoạn này vì vậy mang ý nghĩa tái thiết lòng tin.

Sự kiện Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tới Trung Quốc (tháng 4-2015) diễn ra sau gần một năm rưỡi kể từ sự kiện Giàn khoan 981, có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Hai bên đã đạt được nhận thức chung quan trọng về việc củng cố quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, quản lý tốt các bất đồng, và duy trì môi trường hòa bình, ổn định. Tuyên bố chung, lãnh đạo hai nước thống nhất: "thực hiện tốt "Quy hoạch phát triển 5 năm hợp tác kinh tế - thương mại Việt - Trung giai đoạn 2012 - 2016", thúc đẩy thực hiện Danh mục các dự án hợp tác trọng điểm và các thỏa thuận hợp tác kinh tế thương mại mà hai bên đã ký kết. Thúc đẩy thương mại song phương tăng trưởng ổn định, cân bằng, bền vững; phía Trung Quốc khuyến khích doanh nghiệp Trung Quốc mở rộng

nhập khẩu các mặt hàng có sức cạnh tranh của Việt Nam; hai bên tích cực nghiên cứu việc đàm phán, ký kết Hiệp định sửa đổi về thương mại biên giới Việt - Trung. Sớm bàn bạc và xác định phương án tổng thể chung về xây dựng khu hợp tác kinh tế qua biên giới" (4). Những kết quả hai bên đạt được có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy sự phát triển trong quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc. Đặc biệt đã góp phần củng cố niềm tin chính trị ở mức cao nhất, trấn an cộng đồng doanh nghiệp hai nước. Việc đặt ra mục tiêu kim ngạch cụ thể và cam kết giải quyết các vấn đề trên biển đã mở đường cho sự phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ của thương mại giữa hai nước. Kim ngạch thương mại đã tăng từ 66,7 tỷ USD (2015) lên 93,9 tỷ USD (2017) (5), gần đạt mục tiêu 100 tỷ USD.

Sau chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình tới Việt Nam (tháng 11-2015), hai bên đã ký kết 10 văn kiện hợp tác, bao gồm bản ghi nhớ về việc cùng thúc đẩy kết nối khuôn khổ hợp tác "Hai hành lang, Một vành đai" và "Vành đai - Con đường", đẩy nhanh đàm phán về hiệp định khung xây dựng các khu hợp tác kinh tế qua biên giới, và hợp tác trong lĩnh vực thương mại điện tử. Những kết quả đạt được có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước. Đặc biệt, là nội dung đạt được trong vấn đề kết nối hạ tầng và sản xuất - việc thúc đẩy kết nối hai cơ chế hợp tác giữa "Hai hành lang, Một vành đai" với "Vành đai - Con đường" cho thấy quyết tâm chính trị trong việc tăng cường kết nối hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, cảng biển), tạo điều kiện thuận lợi hơn cho luân chuyển hàng hóa và thu hút đầu tư từ Trung Quốc vào Việt Nam. Trong các cuộc hội đàm, lần đầu tiên, hợp tác thương

mại điện tử được đưa vào chương trình nghị sự cấp cao, phản ánh xu hướng phát triển mới của thương mại và mở ra kênh giao thương trực tuyến. Đồng thời lãnh đạo cấp cao hai nước còn đưa ra những định hướng dài hạn trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại, vượt ra ngoài các giao dịch ngắn hạn, hướng tới sự kết nối sâu rộng hơn về sản xuất và chuỗi cung ứng.

Từ ngày 12 đến ngày 13-11-2017, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình tiếp tục thăm chính thức Việt Nam và tham dự Hội nghị thượng đỉnh APEC. Trong chuyến thăm này, lãnh đạo cấp cao hai nước đã chứng kiến lễ ký kết 12 văn kiện hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Trong lĩnh vực thương mại, hai bên tập trung vào việc tăng cường nhập khẩu nông sản, thủy sản của Việt Nam và thúc đẩy thương mại cân bằng, bền vững hơn. Những cam kết của lãnh đạo cấp cao hai nước đã góp phần mở cửa thị trường Trung Quốc cho một số mặt hàng nông sản Việt Nam và thúc đẩy các bộ ngành hai nước hợp tác giải quyết các vấn đề liên quan đến kiểm dịch, thủ tục hải quan, hướng tới giảm thiểu tình trạng ứ đọng nông sản tại biên giới.

Thứ ba, từ năm 2018 đến năm 2020 có thể coi là giai đoạn *duy trì đà hợp tác*. Trong giai đoạn này đã chứng kiến những tác động lớn từ bên ngoài như chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và đại dịch COVID-19. Lúc này, ngoại giao cấp cao đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý những rủi ro đem lại.

Trong buổi hội kiến giữa lãnh đạo cấp cao hai nước tại Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc (tháng 11-2018), Việt Nam đã đề nghị Trung Quốc có chính sách thiết thực giảm nhập siêu của Việt Nam và mở

của hơn nữa cho các mặt hàng nông sản, thủy sản Việt Nam. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình khẳng định Trung Quốc không theo đuổi xuất siêu với Việt Nam, sẽ tăng cường nhập khẩu hàng hóa Việt Nam để hướng tới thương mại cân bằng, bền vững. Những cam kết cấp cao tại một diễn đàn thương mại quốc tế đã khẳng định quyết tâm của Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề nhập siêu của Việt Nam, mở đường cho việc ký kết các nghị định thư xuất khẩu nông sản chính ngạch trong những năm tiếp theo, góp phần thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam (từ 41,4 tỷ USD năm 2019 lên 48,9 tỷ USD năm 2020) (6).

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu (năm 2020), các nhà lãnh đạo cấp cao của Việt Nam và Trung Quốc vẫn duy trì liên lạc thường xuyên thông qua điện đàm. Các cuộc điện đàm tập trung vào việc hợp tác phòng chống dịch bệnh, đồng thời nhấn mạnh việc duy trì giao thương, không để dịch bệnh làm đứt gãy chuỗi cung ứng, và thúc đẩy phục hồi sản xuất. Những kết quả đạt được trong các cuộc điện đàm này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc duy trì hoạt động giao thương giữa hai nước. Mặc dù có những gián đoạn cục bộ, nhưng nhờ có sự chỉ đạo cấp cao, hàng hóa vẫn được lưu thông tương đối ổn định, giúp kim ngạch thương mại song phương trong năm 2020 vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng 13,8%, điều này cho thấy vai trò "trấn an" và "điều tiết" của ngoại giao cấp cao trong khủng hoảng.

Thứ tư, các chuyến thăm, tiếp xúc của lãnh đạo cấp cao giữa hai nước từ năm 2021 đến nay giữ vai trò then chốt trong việc duy trì và phát triển quan hệ song phương.

Trong hai ngày 30-10 và 1-11-2022, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã tới thăm Trung Quốc. Lãnh đạo Việt Nam là nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên tới Trung Quốc sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc, mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Hai bên đã ra Tuyên bố chung về việc tiếp tục tăng cường và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc. Trong đó, tập trung vào việc thúc đẩy hợp tác thực chất trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, thương mại. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đề nghị Trung Quốc tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, mở rộng nhập khẩu hàng hóa, nhất là nông sản Việt Nam; tạo điều kiện sớm thành lập Văn phòng xúc tiến thương mại Việt Nam tại Trùng Khánh và Hàng Châu. Những nhận thức, kết quả đạt được của chuyến thăm đã củng cố lòng tin chính trị ở mức cao nhất, nhất là trong bối cảnh các diễn biến phức tạp của quan hệ quốc tế. Điều này là bảo đảm chính trị vững chắc, nền tảng cho các hoạt động giao thương giữa hai nước. Các đề xuất cụ thể về mở rộng nhập khẩu nông sản và thiết lập văn phòng xúc tiến thương mại là những nỗ lực trực tiếp nhằm giảm thâm hụt và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho xuất khẩu của Việt Nam.

Chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình (tháng 12-2023) có ý nghĩa lịch sử quan trọng, nâng tầm quan hệ hai nước, "làm sâu sắc và nâng tầm hơn nữa quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc, hai bên nhất trí xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược" (7). Tuyên bố chung 54 điểm đã bao trùm mọi lĩnh vực hợp tác, trong đó kinh tế - thương mại là trọng tâm. Các văn kiện hợp tác được ký

kết rất đa dạng, từ việc đẩy mạnh hợp tác kinh tế số, phát triển xanh, kết nối giao thông, đến xúc tiến thương mại điện tử, nông sản, và thậm chí là phát triển chuỗi cung ứng. Những kết quả đạt được từ chuyến thăm đã xác lập khuôn khổ quan hệ mới mang ý nghĩa chiến lược sâu rộng, tạo ra một không gian hợp tác rộng lớn hơn và cam kết chính trị mạnh mẽ hơn cho thương mại và đầu tư. Hai bên đã thống nhất, cam kết về hợp tác đường sắt, phát triển cửa khẩu thông minh, và kết nối hạ tầng giao thông tiếp tục được ưu tiên, nhằm tối ưu hóa chi phí logistics và tăng cường năng lực thông quan. Đặc biệt, trong lĩnh vực mở rộng thị trường nông sản, tiếp tục nhấn mạnh việc Trung Quốc tăng cường nhập khẩu các mặt hàng nông sản có thế mạnh của Việt Nam, hướng tới thương mại cân bằng hơn....

Có thể khẳng định, các chuyến thăm chính thức, tiếp xúc ngoại giao cấp cao đã tác động trực tiếp đến quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn 2010 đến nay theo ba cấp độ chính: *Thứ nhất*, cấp độ chiến lược, các sự kiện này đã tạo ra và củng cố khuôn khổ chính trị ổn định, định hướng chiến lược cho phát triển quan hệ. Đây là nền tảng để các hợp tác kinh tế - thương mại được triển khai. *Thứ hai*, ở cấp độ chính sách và thể chế, kết quả đạt được tạo cơ sở thúc đẩy việc ký kết các hiệp định, bản ghi nhớ, và các cam kết về chính sách, tạo ra các điều kiện pháp lý và thể chế thuận lợi cho hoạt động thương mại và đầu tư. *Thứ ba*, cấp độ giải quyết vấn đề - tạo ra kênh để giải quyết các vướng mắc cụ thể, tháo gỡ rào cản, và quản lý các bất đồng, giúp duy trì dòng chảy thương mại không bị gián đoạn quá mức.

Những kết quả đạt được như vậy cho thấy ngoại giao cấp cao không chỉ là yếu tố

"xoa dịu" hay "trấn an" mà còn là công cụ chủ động để thúc đẩy, kiến tạo các điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại.

2. Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc từ năm 2010 đến năm 2025

Quan hệ thương mại giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc từ năm 2010 đến nay là một bức tranh đa sắc, nó vừa phản ánh sự tăng trưởng vượt bậc về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu song phương, nhưng đồng thời cũng có không ít những thách thức, đặc biệt là cơ cấu hàng hóa và cán cân thương mại. Giai đoạn này chứng kiến Trung Quốc củng cố vững chắc vị thế là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, trong khi Việt Nam ngày càng trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu mà Trung Quốc là trung tâm.

2.1. Tổng kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng vượt bậc

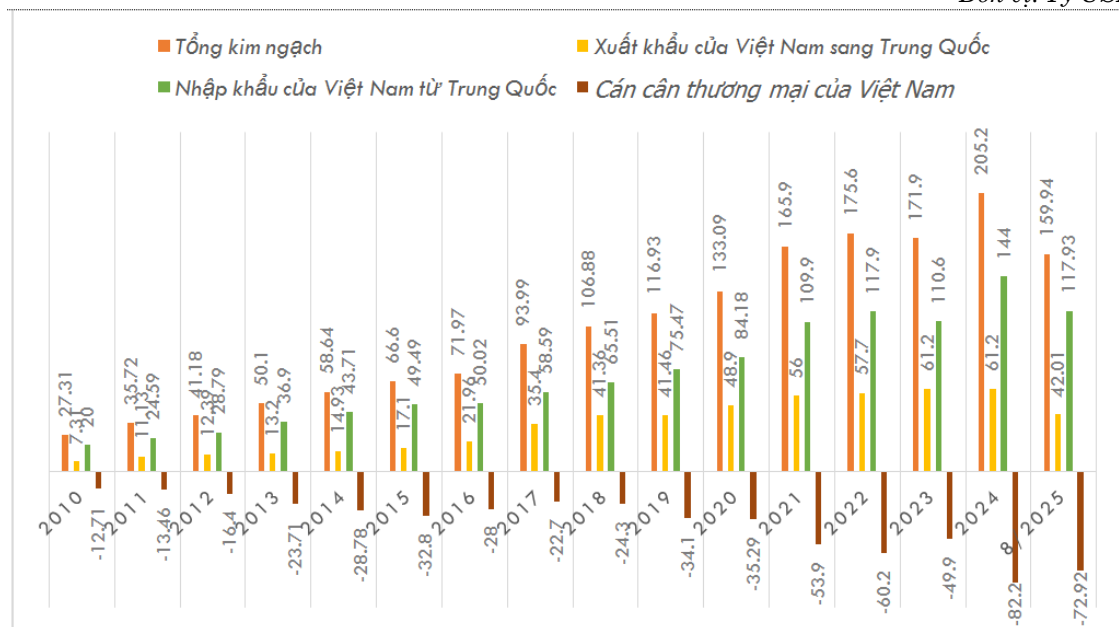
Từ năm 2010 đến nay, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đánh dấu một giai đoạn phát triển mạnh mẽ trong quan hệ thương mại song phương. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn này đạt khoảng 15%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng thương mại bình quân toàn cầu.

Qua số liệu ở *biểu 1*, có thể nhận thấy tổng kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn này đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về giá trị và tốc độ. Nếu như năm 2010, giá trị tổng kim ngạch thương mại hai chiều là 27,31 tỷ USD, đến năm 2024 đã vượt mốc 200 tỷ USD, với 205,2 tỷ USD, gấp hơn 7,5 lần so với đầu kỳ.

Xét về tốc độ tăng trưởng, mức tăng bình quân hàng năm cho cả giai đoạn

**Biểu 1: Kim ngạch và cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc
(từ năm 2010 đến nay)**

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ báo cáo xuất nhập khẩu của Bộ Công thương
(từ năm 2010 đến năm 2024)

2010-2024 là khoảng 15%. Trong đó chỉ có một năm tốc độ tăng trưởng âm (năm 2023: -2,6%), ba năm tốc độ tăng trưởng 1 con số (năm 2016: 7,9%, năm 2019: 8,4%, năm 2022: 5,5%), sáu năm đạt tốc độ hơn 10% (năm 2014: 16,60%; năm 2015: 10,70%; năm 2018: 13,50%; năm 2020: 13,80%; năm 2021: 24,6%; năm 2024: 19,3%), ba năm đạt tốc độ tăng trưởng trên 20% (năm 2010: 29%; năm 2012: 21,50%; năm 2013: 22%), thậm chí có hai năm tốc độ tăng trưởng vượt 30% (năm 2011: 31,52% và năm 2017: 30,16%). Đặc biệt, năm 2018, kim ngạch thương mại giữa hai nước lần đầu cán mốc 100 tỷ USD, đạt 106,69 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2017. Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 41,26 tỷ USD, tăng gần 17%, trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 65,43 tỷ USD, tăng 12%. Năm 2019, bất chấp tác động của đại dịch COVID-19, tổng kim ngạch thương mại song phương giữa hai nước vẫn

duy trì ở mức cao, đạt 116,9 tỷ USD. Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 41,4 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 75,5 tỷ USD. Năm 2020, kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng trưởng. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 133,1 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm 2019. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 48,9 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2019, trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 84,18 tỷ USD, tăng trưởng 11,5% (8). Năm 2024, Trung Quốc trở thành đối tác thương mại đầu tiên của Việt Nam cán mốc giá trị thương mại song phương 205,2 tỷ USD, giá trị xuất khẩu lên đến 61,2 tỷ USD, chiều nhập khẩu đạt 144 tỷ USD. Đà tăng trưởng vẫn tiếp tục được duy trì, tính đến hết tháng 8-2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu song phương ạt

mức 159,94 tỷ USD, với giá trị xuất khẩu hơn 42 tỷ USD, nhập khẩu đạt gần 118 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng trong 8 tháng đầu năm là 9,3% (9). Điều này càng củng cố vững chắc luận điểm Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, và Việt Nam là bạn hàng số một của Trung Quốc trong khối ASEAN...

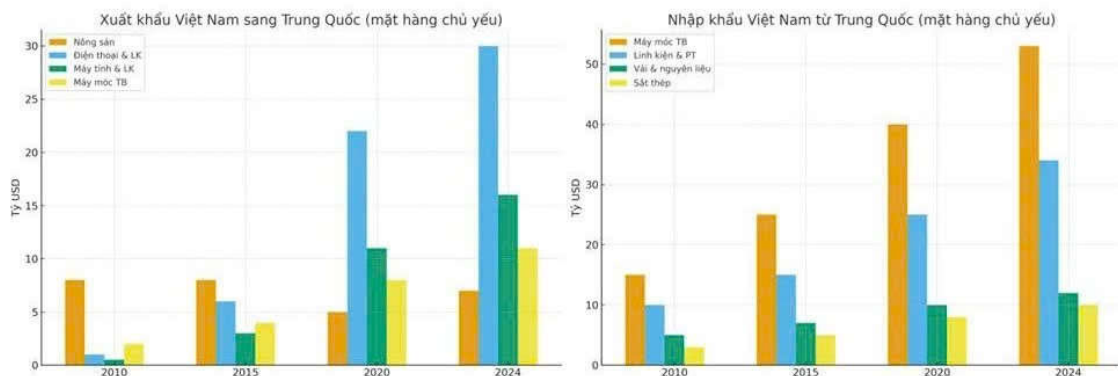
Xét ở giá trị hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giai đoạn 2010-2024 có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Nếu như năm 2010 mới chỉ đạt 7,31 tỷ USD thì đến hết năm 2024 là 61,2 tỷ USD. Tính đến hết tháng 8 năm 2025, con số này đã lên đến 42,01 tỷ USD. Tính bình quân từ năm 2010 đến hết năm 2024, mỗi năm Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 33,41 tỷ USD, luôn duy trì tỷ trọng trên dưới 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Thậm chí năm 2020, con số này lên đến 18%. Về nhập khẩu, mức thâm hụt trong cán cân thương mại hai chiều giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc ngày càng trầm trọng. Nếu như năm 2010, Việt Nam mới chỉ nhập khẩu từ Trung Quốc với giá trị 20 tỷ USD thì đến hết năm 2024 con số này là 144 tỷ USD -

tăng gấp hơn 7 lần so với mốc khởi đầu. Nếu so sánh tỷ trọng hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc với tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa cả nước, từ năm 2010 đến năm 2016 luôn chiếm trên 20%. Từ năm 2017, các Hiệp định thương mại CPTPP, EVFTA chính thức có hiệu lực, với những quy định khắt khe về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, cũng đồng thời nhằm tránh rủi ro phụ thuộc vào một thị trường nhập khẩu, Việt Nam đã từng bước đa dạng hóa nguồn cung nên tỷ trọng hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc so với tổng kim ngạch nhập khẩu đã giảm xuống dưới 20%.

Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố, bao gồm sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, sự phát triển của các khu vực kinh tế mật dịch tự do (như ACFTA), nhu cầu thị trường ngày càng lớn của Trung Quốc đối với hàng hóa Việt Nam, và ngược lại, nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, máy móc thiết bị từ Trung Quốc của Việt Nam để phục vụ sản xuất.

Xét về cán cân thương mại, đặc điểm nổi bật trong quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn này là tình trạng

Biểu 2: Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu Việt Nam - Trung Quốc (2010, 2015, 2020, 2024)



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ báo cáo xuất nhập khẩu của Bộ Công thương (từ năm 2010 đến năm 2024)

Việt Nam liên tục thâm hụt thương mại với Trung Quốc. Dù kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc có sự tăng trưởng mạnh mẽ, nhưng so tốc độ tăng của nhập khẩu từ Trung Quốc còn cao hơn.

Trong cả giai đoạn này, mức thâm hụt trong cán cân thương mại giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã tăng từ 12,71 tỷ USD năm 2010 (10) lên 82,2 tỷ USD vào năm 2024 (11), thậm chí tính đến hết tháng 8 năm 2025, con số này đã là 72,92 tỷ USD (12). Từ năm 2010 đến nay, Trung Quốc luôn là “nhà cung cấp nguyên liệu và thiết bị lớn nhất cho các lĩnh vực ngành công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất sử dụng nhiều lao động của Việt Nam (các sản phẩm máy móc, thiết bị, linh kiện, đồ điện tử, hàng dệt may và điện thoại thông minh...). Một số mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn như: xăng dầu; vải; điện thoại và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng; sắt thép. Quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc ngày càng gia tăng khi nhiều ngành sản xuất của Việt Nam có dấu hiệu phụ thuộc nhiều hơn vào nguyên liệu đầu vào từ Trung Quốc” (13). Điều này phản ánh sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu, phụ tùng và máy móc từ thị trường Trung Quốc, phục vụ các ngành sản xuất - gia công tận dụng nguồn lao động giá rẻ, lắp ráp trong nước, đặc biệt là các ngành định hướng xuất khẩu sang thị trường thứ ba. Điều đó cho thấy vai trò của Trung Quốc như một “công xưởng” cung cấp đầu vào cho Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

2.2. Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu chủ yếu có sự điều chỉnh mạnh mẽ

Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc từ năm 2010 đến nay có những thay đổi mạnh mẽ, phản ánh sự tham gia sâu hơn của Việt Nam

vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đồng thời cho thấy sự điều chỉnh của cả hai nền kinh tế trong bối cảnh mới.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam

Biểu 2 cho thấy sự chiếm ưu thế của hàng công nghiệp chế biến. Tỷ trọng của nhóm hàng công nghiệp chế biến/lắp ráp Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng từ 76% (2018-2020) lên hơn 80% (2021-2024). Điều này khẳng định vai trò chủ đạo của các sản phẩm điện tử, máy móc trong xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc. Các mặt hàng điện thoại, máy vi tính và linh kiện tiếp tục là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, phản ánh sự gắn kết sâu rộng của Việt Nam vào chuỗi cung ứng công nghệ toàn cầu, nơi Trung Quốc vừa là nhà cung ứng đầu vào vừa là thị trường tiêu thụ hoặc trung chuyển. Đồng thời cũng thấy rõ tỷ trọng các sản phẩm nông sản và khoáng sản tiếp tục giảm, cho thấy quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế của Việt Nam vẫn tiếp tục diễn ra một cách mạnh mẽ. Mặc dù xét dưới góc độ giá trị tuyệt đối, các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đều có sự tăng trưởng do nỗ lực mở rộng thị trường chính ngạch, nhưng tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã giảm đáng kể so với thập kỷ trước.

Có thể khẳng định, trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay, cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đã có những chuyển biến mạnh mẽ, đã “lột xác” từ “xuất nguyên liệu thô” sang “xuất sản phẩm công nghiệp lắp ráp” - thể hiện bước nhảy trong cơ chế, chính sách thu hút nguồn vốn đầu tư của công ty nước ngoài với dòng vốn đầu tư trực

tiếp từ nước ngoài cũng như sự dịch chuyển trong chuỗi cung ứng trong khu vực.

Nếu những năm đầu thập niên 2010, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc là nông sản thô (gạo, cà phê, cao su, rau quả), khoáng sản và nguyên liệu thô, thì từ năm 2015 trở lại đây, tỷ trọng các mặt hàng công nghiệp chế biến, đặc biệt là điện tử, máy tính, điện thoại và linh kiện, máy móc thiết bị, dệt may, giày dép và thủy sản chế biến ngày càng gia tăng. Trong giai đoạn 2010-2025, các mặt hàng nông sản và thủy sản tiếp tục duy trì vị thế quan trọng, nhưng dần chuyển từ dạng thô sang sơ chế và chế biến. Trung Quốc là thị trường tiêu thụ lớn cho nhiều loại trái cây, thủy sản của Việt Nam.

Các mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện bán dẫn trở thành nhóm hàng xuất khẩu có sự tăng trưởng mạnh mẽ, thể hiện sự tham gia sâu hơn của Việt Nam vào chuỗi cung ứng điện tử khu vực và toàn cầu, với Trung Quốc đóng vai trò là một trung tâm lắp ráp và tiêu thụ lớn. Nhóm hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng chiếm tỷ trọng ngày càng tăng, cho thấy năng lực sản xuất của Việt Nam đã được cải thiện rõ rệt trong thời gian qua. Các mặt hàng thuộc nhóm gia công, tận dụng nguồn nhân công giá rẻ như: dệt may, giày dép dù không phải là nhóm hàng xuất khẩu có giá trị lớn nhất sang Trung Quốc, nhưng vẫn giữ vai trò ổn định, thể hiện sự cạnh tranh của Việt Nam trong các ngành công nghiệp truyền thống.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam

Biểu 2 cũng cho thấy, Trung Quốc đóng vai trò là nguồn cung ứng đầu vào cho nền sản xuất của Việt Nam. Cơ cấu các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc

không có sự thay đổi đáng kể về chủng loại hàng hóa mà chủ yếu là mức tăng quy mô nhập khẩu. Nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng nhẹ, khẳng định vai trò không thể thay thế của Trung Quốc như là nguồn cung ứng đầu vào quan trọng cho sản xuất của Việt Nam. Bên cạnh các mặt hàng phục vụ sản xuất, Việt Nam cũng nhập khẩu một lượng lớn hàng hóa tiêu dùng, vật liệu xây dựng (như sắt thép), và các sản phẩm công nghiệp khác từ Trung Quốc, phản ánh nhu cầu đa dạng của thị trường Việt Nam.

Có thể khẳng định, Việt Nam phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu và máy móc, thiết bị của Trung Quốc để duy trì và đáp ứng nhu cầu gia công hàng xuất khẩu sang các thị trường khác. Từ năm 2010 đến nay, Trung Quốc luôn duy trì là nguồn cung cấp chủ yếu các mặt hàng đầu vào phục vụ sản xuất và tiêu dùng của Việt Nam. Các mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc từ năm 2010 đến nay có thể phân thành các nhóm sau: *Thứ nhất*, máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng trưởng ổn định, cho thấy Việt Nam phụ thuộc vào Trung Quốc về công nghệ và thiết bị cho quá trình công nghiệp hóa. *Thứ hai*, nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện - một trong những nhóm hàng nhập khẩu với giá trị lớn, phục vụ cho ngành lắp ráp điện thoại xuất khẩu của Việt Nam. *Thứ ba*, nhóm hàng hóa là nguyên liệu đầu vào quan trọng cho ngành dệt may, da giày xuất khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, các mặt hàng sắt thép, hóa chất, sản phẩm chất dẻo, Việt Nam chưa chủ động được, vẫn phải nhập các nguyên liệu cơ bản phục vụ nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Ngay đến nhóm hàng hóa tiêu dùng hàng ngày, tuy có xu hướng giảm tỷ trọng do sản xuất trong nước phát triển,

nhưng vẫn còn một lượng lớn hàng hóa tiêu dùng từ Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam.

3. Kết luận

Giai đoạn 2010-2025 là thời kỳ đặc biệt quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, khi thương mại trở thành trụ cột chính và ngoại giao cấp cao giữ vai trò “đòn bẩy” thúc đẩy hợp tác giữa hai nước.

Thứ nhất, ngoại giao cấp cao như “van an toàn”, giúp duy trì ổn định quan hệ giữa hai nước. Tần suất tiếp xúc dày đặc giữa lãnh đạo hai Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội đã giúp kiểm soát bất đồng, nhất là trong vấn đề về Biển Đông, ngăn chặn tác động tiêu cực và thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại. Đồng thời, những cam kết chiến lược tạo nên hành lang chính sách ổn định cho doanh nghiệp và các bộ, ngành triển khai.

Thứ hai, thương mại song phương phát triển mạnh nhờ kết quả của các cuộc tiếp xúc cấp cao. Kim ngạch tăng từ 27,3 tỷ USD năm 2010 lên hơn 205,2 tỷ USD năm 2024, tốc độ tăng bình quân khoảng 15%/năm. Việt Nam trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong ASEAN, còn Trung Quốc duy trì vị trí số một với Việt Nam. Ngoại giao cấp cao đã góp phần tháo gỡ nhiều rào cản, đặc biệt trong lĩnh vực nông sản, khi các quy định kiểm dịch thay đổi thường xuyên.

Thứ ba, cơ cấu hàng hóa chuyển dịch mạnh mẽ. Xuất khẩu Việt Nam sang Trung Quốc dịch chuyển từ nông sản thô, khoáng sản sang các sản phẩm công nghiệp chế biến như điện thoại, máy tính, máy móc. Năm 2010, trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam, nông sản chiếm khoảng 70% nhưng đến 2024 nhóm điện tử, máy móc chiếm tới 80%. Ngược lại, nhập khẩu từ

Trung Quốc vẫn tập trung vào máy móc, thiết bị, linh kiện và nguyên liệu sản xuất, phản ánh mối quan hệ bổ sung trong chuỗi giá trị.

Thứ tư, ngoại giao cấp cao tạo tín hiệu ổn định cho doanh nghiệp. Các cam kết công khai giữa lãnh đạo hai nước giúp doanh nghiệp yên tâm mở rộng đầu tư, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, dệt may và nông sản.

Thứ năm, thách thức và rủi ro vẫn hiện hữu. Việt Nam nhập siêu lớn, phụ thuộc nhiều vào máy móc, linh kiện từ Trung Quốc. Ngoài ra, vấn đề gian lận xuất xứ, buôn lậu và rào cản kỹ thuật ngày càng phức tạp. Cạnh tranh Mỹ - Trung và xu hướng bảo hộ thương mại toàn cầu cũng tiềm ẩn nguy cơ cho chuỗi cung ứng Việt - Trung.

Có thể khẳng định, ngoại giao cấp cao giai đoạn 2010-2025 đã chứng minh vai trò không thể thay thế trong việc định hình và thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc. Nó vừa là chất xúc tác, vừa là công cụ điều tiết, tạo điều kiện cho thương mại song phương phát triển nhanh và ổn định, đồng thời giúp quản lý bất đồng và giảm thiểu rủi ro. Kết quả là một bức tranh hợp tác kinh tế - thương mại quy mô lớn, có tính bổ sung, nhưng cũng đặt ra những yêu cầu mới về cân bằng lợi ích và giảm thiểu phụ thuộc.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, việc tiếp tục duy trì các chuyến thăm và cơ chế đối thoại cấp cao là điều kiện cần để Việt Nam vừa khai thác cơ hội, vừa bảo vệ lợi ích quốc gia, hướng tới một quan hệ thương mại với Trung Quốc ổn định, bền vững, cân bằng và có chất lượng cao hơn trong giai đoạn tới.

CHÚ THÍCH

(*). Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2025: “Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ thương mại Trung Quốc - Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2020” do Viện Sử học chủ trì.

(1). Tổng cục thống kê, *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam năm 2011*, Hà Nội, 2013, tr. 478.

(2). Tổng cục thống kê, *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội, 2015, tr. 559.

(3). Ngày 1-5-2014, Trung Quốc di chuyển giàn khoan Hải Dương 981 từ đảo Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa tiến sâu vào thềm lục địa Việt Nam, cách đảo Lý Sơn của tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam khoảng 120 hải lý về phía Đông, nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Việt Nam thông qua các kênh ngoại giao các cấp, phản đối quyết liệt hành vi vi phạm của Trung Quốc tại các diễn đàn ngoại giao song phương, khu vực và thế giới. Trước những sức ép ngày càng lớn đến từ dư luận trong nước và quốc tế, ngày 16-7-2014, Trung Quốc rút giàn khoan Hải Dương 981 ra khỏi vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

(4). Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ ngày 7-10/4/2015, <https://baohinhphu.vn/toan-van-thong-cao-chung-viet-nam-trung-quoc-102181859.htm>

(5). Vũ Huy Hùng (2023), *Cạnh tranh Mỹ - Trung và những tác động tới thương mại Việt Nam (Phần 2)*, Theo: Viện Nghiên cứu chiến lược, thông tin chính sách công thương, Bộ Công thương, tại <https://vioit.moit.gov.vn/vn/Printer.aspx?nId=5575>

(6). Thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục duy trì tăng trưởng. Theo trang thông tin Bộ Công thương Việt Nam: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-hai-chieu-giua-viet-nam-va-trung-quoc-tiep-tuc-du.html>

(7). Toàn văn Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc, theo: <https://laodong.vn/thoi-su/toan-van-tuyen-bo-chung-viet-nam-trung-quoc-1279447.laod>

(8). Thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục duy trì tăng trưởng. Theo trang thông tin Bộ Công thương Việt Nam: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-hai-chieu-giua-viet-nam-va-trung-quoc-tiep-tuc-du.html>

(9). Thương mại Việt Nam - Trung Quốc đạt 159,9 tỷ USD, nhiều khả năng vượt mốc 2024. Theo <https://tapchikinhthetachinh.vn/thuong-mai-viet-nam-trung-quoc-dat-159-9-ty-usd-nhieu-kha-nang-vuot-moc-nam-2024.html>

(10). Nguyễn Đình Chương. *Quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2010-2020*. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2-2023, tr. 94.

(11). Bộ Công thương. *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2024*. Nxb. Công thương, Hà Nội, 2025, tr. 64.

(12). Thương mại Việt Nam - Trung Quốc đạt 159,9 tỷ USD, nhiều khả năng vượt mốc 2024. Theo <https://tapchikinhthetachinh.vn/thuong-mai-viet-nam-trung-quoc-dat-159-9-ty-usd-nhieu-kha-nang-vuot-moc-nam-2024.html>